

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 8 năm 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hôn.

2. Ông Nguyễn Tất Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Minh Chánh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 460/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc **B**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã T, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn **T**, sinh năm 1987 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc **B** trình bày:

Chị và anh **T** quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2014, sau đó có làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2015 và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2015 ngày 06/4/2015. Từ thời gian đầu chung sống đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng và chăm sóc nhau. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh T A, sinh ngày 12/7/2015. Hiện cháu đang sống cùng chị B tại địa chỉ B, xã T, TP. M, tỉnh Tiền Giang. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T A, không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/6/2019, và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh T Anh, sinh ngày 12/7/2015. Hiện cháu đang sống cùng chị B tại địa chỉ B, xã T, TP. M, tỉnh Tiền Giang. Anh đồng ý giao con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh T xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử tại Tòa án.

* Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị Ngọc B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị B là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị B, anh T và chị B thuận tình ly hôn, về con chung giao con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc B và anh Huỳnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2015 ngày 06/4/2015. Ngày 25/6/2019 chị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị Ngọc B, thường trú tại địa chỉ Ấp B, xã T, TP. M, tỉnh Tiền Giang, do chị B và anh T có văn bản thỏa thuận

yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết, **theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.**

Bị đơn anh Huỳnh Văn **T** có lời khai xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc **B** và anh Huỳnh Văn **T** được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của chị **B** và anh **T** là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị **B** và anh **T** thì thời gian đầu chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng và chăm sóc nhau. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ năm 2016, thời gian ly thân quá lâu, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hiện nay cả hai không còn yêu thương quan **T** chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, anh **T** xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng có lời khai đồng ý ly hôn với chị **B**. Hiện tại chị **B** không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh **T** nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy đời sống vợ chồng giữa chị **B** và anh **T** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **B** theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Tâm A, sinh ngày 12/7/2015. Tại phiên tòa chị **B** yêu cầu giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **T** cũng có lời khai đồng ý giao con chung cho chị **B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T A hiện nay còn nhỏ, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu cần giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị **B** không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp một phần, do anh **T** không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **B**.

[3] Về án phí: Chị **B** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc **B**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc **B** được ly hôn với anh Huỳnh Văn **T**.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tâm A, sinh ngày 12/7/2015 cho chị Trần Thị Ngọc **B** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Văn **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **B** không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc **B** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị **B** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000038 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **B** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **T** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sắc Ly

